

BẢN LUẬN QUYỂN 19

Trong giải thích Luận nghị thứ mười bốn, có hai mươi bảy đoạn. Quyển trên đã giải thích năm đoạn, quyển mười chín của luận này, gồm hai mươi hai đoạn.

Trong bốn Ngữ, ngữ đầu, là nêu chung; ba ngữ sau, là giải thích riêng.

Nói thiện, là lời thiện, luận thiện. Luận sư Cảnh nói: “Thế một, vì nghĩa khác, nên có ba thứ này.”

Pháp sư Khuy Cơ nói: “Nói thiện là câu chung; hai thứ sau, là nói riêng. Thế, gọi là lời nói thiện. Nói nghĩa, gọi là luận thiện. Lời nói thiện, luận thiện đều có nói thiện ba tướng. Nói thiện ba tướng, hoặc phối hợp riêng ba câu sau; hoặc tùy đối tượng thích hợp, thông qua cả ba câu sau.

Hoặc có ái ngữ chẳng phải Đế, chẳng phải pháp. Đây là nêu Đế ngữ, ái ngữ của thế gian.

Hoặc có pháp ngữ, cũng là Đế v.v... Nghĩa là trái lại, nói hai ngữ xuất thế. Do bài Tụng, đầu tiên, nêu ngữ của Hiền, Thánh.

Về tướng của Ái ngữ kia, quyển bốn mươi ba nói: “Ái ngữ có ba: an ủi, khuyến dụ, chúc vui vẻ và ngữ thắng ích (ngữ ích vượt hơn). (rộng như thuyết kia nói)

Trong bài Tụng thứ hai do năm thứ sự thiện: như hạnh tín v.v... được ba thứ quả: người tin tưởng chân chính, Tín; người cư gia tử hổ, Tâm; người vâng giữ giới, Giới; người được y phục v.v... Thí; là người có được chánh pháp v.v... Pháp. Đây là giải thích câu đầu.

“Những người đó đã thành tựu”, giải thích ba câu dưới. Đầu tiên, gọi là quả danh dự, tức câu thứ hai; kế là quả giải thoát, là nơi chứng giải thoát.

Trong chúng đồng phần của các vị trời thanh tịnh.

Luận sư Cảnh nói: “Hai thí địa dẫn sinh Phước, Trí, Tư lương, là pháp của cõi Dục được cõi Trời Dục. Cũng có thể các vị trời kia do sự xoay vần tu này mà Khởi Tịch lự, phát tuệ vô lậu viên mãn. Nhân sự tu này, về sau, sinh lên năm tầng trời Tịnh cư, không ngoài cõi trời đó mà chứng giải thoát. Cho nên, nói rằng “nơi chứng giải thoát”.

Vì thế, Luận ở trên nói: “Người tu định xen lẫn sinh lên năm tầng trời Tịnh cư, cũng có thể trừ Phạm Thiên, Vô Tướng. Ngoài ra các Trời khác đều là nơi chứng giải thoát.

Pháp sư Khuy Cơ nói: “ Vô lậu, gọi là thanh tịnh Thánh tự tại, gọi

là Thiên. Đây là giải thích câu thứ ba. “Về sau, được Quả sinh thiên, là giải thích câu thứ tư.”

“Lại có sự khác nhau” trở xuống, “Lại nữa” thứ hai, là giải thích lại Văn bài tụng.

Trong giải thích bài Tụng thứ ba, chia làm ba:

1/ Giải thích câu đầu.

2/ “Nhanh chóng xa lìa các hạnh ác được thích hợp” trở xuống, là giải thích hai câu thứ hai, thứ ba. Các bất thiện, gọi là ác. Ngoại đạo không có lợi, các tà khổ hạnh, gọi là nhân vô nghĩa, đều xa lìa.

3/ “Hoặc đối với bốn Thánh đế v.v... tăng thượng” trở xuống, giải thích nghĩa giản lược trong câu thứ tư.

Trong đó, “trước nghe chánh pháp, tư duy như lý” là giải thích câu đầu. “Pháp tùy pháp hành” là câu thứ hai, thứ ba. “Được quả thắng lợi” là giải thích câu thứ tư.

Trong giải thích bài Tụng thứ tư, có ba lần “lần Lại nữa”. “Lại nữa” thứ hai này nói rằng: “Tất cả uống ăn, nói năng, đi dạo. Ba lần “Lại nữa” này như thứ lớp là chỗ ba bài Tụng không có nhiễm. Nhưng trụ ở Vô tướng mà vẫn có khổ khác theo đuổi thì không gọi là viên mãn cùng cực. Hoặc vì lợi mình, uống ăn, đi dạo không có nhiễm. Hoặc vì lợi người khác mà nói năng, đi dạo không dao động.

Nói đi dạo, chung cho hai lợi trên. Như ao trong lồng bông. Nổi khổ khác theo đuổi, gọi là chán chất bản động lại trong biển sinh tử thời gian.

“Lần lại nữa” thứ ba nói: “Thân Hữu học chứng tuệ giải thoát và “câu giải thoát”, như ba chỗ thứ lớp, nghĩa là do chướng phiền não của ba người này đã hết, chứ chẳng phải chướng định. Vì chướng của định đã hết, nên chẳng phải phiền não, cả hai chướng đều lìa, nên nói “như thứ lớp”.

Trong nghĩa tóm tắt, lìa dục của ba cõi, đối với chỉ thú của Phật, Thánh vẫn còn có sự nương tựa khác, tức các vô học, gọi là bậc trí.

Lìa tham của cõi Dục, thuộc về Đạo Thắng Tấn, tức Hưởng thứ tư gọi là Bất động, vì đã lìa dục tham, Khởi Đạo Thắng Tấn. Hoặc hưởng thứ hai, cùng với quả. Và hưởng thứ ba là lìa dục tham, Khởi Đạo Thắng Tấn.

Quả Bất hoàn kia, như ao trong rộng. Lại, nói về ba thắng lợi: giải thoát, Đẳng-trì, Trí tuệ. Nghĩa là các quán giải thoát, quán ánh sáng, vì xa lìa chướng định, nên thành vô nhiễm. Đẳng-trì quán “không”, phi ngã, bất động. Trí tuệ soi đoạn, như ao nước trong bình bông.

Lại, nói về quả mà Tâm, tuệ học đã được.

Luận sư Cảnh nói: “Tuệ giải thoát không nhiễm như hư không chẳng có gì chấp mắc. “Câu giải thoát như ao nước tràn đầy, trong mát, không ưa biển sinh tử ử động bùn lầy.

Nói và làm hai Học Tâm, tuệ ở trên. Tức nói về Hữu học chứng không lay động, cũng như cờ Đế-thích.

Pháp sư Khuy Cơ nói: “Quả của tâm học gọi là bất động, quả của tuệ học, như ao nước rộng. Hai Học Tâm, tuệ như hư không vô nhiễm. Hoặc như thứ lớp, quả , tuệ học của Tâm như hư không vô nhiễm; Tâm học như cờ Đế-thích; tuệ học như ao nước trong rộng.

Đoạn thứ năm có năm bài Tụng, trong đó chia làm hai:

1/ Bốn bài Tụng đầu, nói về phạm phu.

2/ Một bài Tụng sau, giải thích về Bạc Thánh.

Bực Thánh có pháp Phật, vì giáo hóa, nên gọi là là thấy.

Trong phạm phu kia, một bài tụng đầu, là giải thích về Dục tham; tà phân biệt (phân biệt bất chính). Bài Tụng thứ hai, nói về Thiên nhãn thấy Phật không nhất định; bài Tụng thứ ba, nói về nhục nhãn thấy Phật không nhất định; bài Tụng thứ tư, nói trong, ngoài đều không thể thấy.

Kim Cương Bát-nhã nói: “Nếu dùng sắc để thấy ta; dùng âm thanh để tìm cầu ta..., thì người đó sẽ sinh sự ngu si tà kiến, không thể thấy ta, tức phạm phu này thuộc về bốn hạng trước.

Kinh đó nói Nhị thừa dù đạt Đế lý, nhưng chưa chứng pháp thân, cũng không thể biết được sắc, thân v.v... của Phật, vì chẳng phải nghĩa bậc nhất , nên không gọi thấy hai thân trong, ngoài.

Chế-đa. Luận sư Thái nói: “Đây là phiên dịch chỗ cứng dường xưa nói Thi-Đề là sai.

Quang nghĩa là chứa nhóm.

Đoạn thứ sáu, trong giải thích một bài Tụng có bốn:

1/ Giải thích câu đầu.

2/ “Nếu “hữu” để vượt qua năm bực lưu” trở xuống, là giải thích câu thứ hai.

Nhất định đều có vị ái, gọi là lúc có nhiễm. Nhưng có khi chấp là mình có trong vị ái nhiễm này: “Ta hay yêu vị ở định, chấp vững chắc không bỏ. Tâm nhiễm sau này nhiễm lấy yêu định của tự tâm trước kia. Tâm này lại hay yêu đối tượng đã yêu trước, gọi là Tham nhiễm. Nhân ái này, nên sinh khổ ở tương lai, cũng gọi là nhiễm. Phiền não sinh này vì chẳng phải nhất định là phiền não, nên nói là “chiêu sinh”. Đây tức là tướng bực lưu thứ sáu.

3/ “Nếu nhiệm tự lấy ở tâm bị nhiễm” trở xuống, là giải thích câu thứ ba. Nếu nhiệm tự lấy, nghĩa là tâm nhiễm sau này. Đối với tâm sở nhiễm là định tâm ở trước, nghĩa là do tâm nhiễm ở sau đối với tâm sở nhiễm ở kế trước không thuận theo mà sinh ái nhiễm, phát khởi công dụng nhiếp thọ một chỗ, sao cho không chảy tản mát. Vì ngăn cấm nhiễm, nên tu Tác ý đối trị của bộc lưu thứ sáu. Tâm, là chủ thể nhiễm hiện tại này cũng không có Tâm tương ứng với chủ thể nhiễm, tức tâm Bất tương ứng của đối tượng nhiễm. Vì tự tánh nhiễm, nên gọi là Tâm vô nhiễm.

Trong đây ý nói đối với tâm bị nhiễm, vì không theo công dụng, nên tách rời đối tượng duyên (sở duyên) của sự ràng buộc, không có nhiễm ô. Vì với tâm không nhiễm, nên lia tương ứng của buộc ràng. Vì đã lia hai sự ràng buộc, nên nỗi khổ ở tương lai không nảy sinh, cũng gọi vô có nhiễm. Do duyên tham nặng làm thối nhuần sinh.

4/ “Nếu “hữu” đối với công dụng tùy tạo tác kia” trở xuống, là giải thích câu thứ tư.

Xét luật Tứ Phần, Long vương Y-La-Bát nói kệ cho La-Na Đà nghe rằng:

*“Sao là người nhiễm trên ở trong vua,
Ngang đồng với nhiễm?
Thế nào là được không như?
Sao gọi là Ngu?
Sao là lưu, bị trôi nổi?
Sao gọi là Trí.
Thế nào là lưu, không lưu
Mà gọi là giải thoát?”*

Phạm Chí Na-La-Đà vội dùng bài kệ này đến trước Đức Phật, nói, đức Phật dùng bài kệ này đáp:

*Vua thứ sáu là trên.
Người nhiễm với nhiễm thấy.
Không nhiễm thì không như.
Người nhiễm gọi là ngu.
Người ngu, chảy, bị trôi.
Người hay diệt là Trí,
Hay bỏ tất cả lưu.
Trời và ở thế gian,
Không tương ứng với Lưu,
Không bị chết mê hoặc.*

*Hay lấy Niệm làm chính.
Các Lưu được giải thoát.*

(Nói rộng về nhân duyên như Kiên-Độ Thọ giới trong Luật Tứ phần).

Nay, một bài Tụng này giống với hàng kệ đầu do Đức Phật đáp.

Đoạn thứ bảy. Thành, nghĩa là bên trong, lấy sự gồm thâu, gìn giữ; bên ngoài có ngăn ngừa giữ gìn. Bốn pháp nhiếp trong, Tín giải chế ngự bên ngoài, nên dụ với bức thành.

Bức “Thành Tâm” tương ứng với hai thứ pháp lành:

1/ Khéo nói pháp. 2/ Tỳ-nại-da.

Đoạn thứ tám, trong giải thích một bài Tụng giải thích chia làm ba:

1/ Giải thích hai câu đầu.

2/ “Người kia lúc an trụ ở chánh địa này” trở xuống, là giải thích câu thứ ba: không sinh vị ái, không có đối tượng nương tựa (sở y chỉ).

3/ “Người kia do phương tiện chính đáng, nên” trở xuống, là giải thích câu thứ tư.

Trọn nghĩa giản lược, bốn thứ nhiễu loạn:

Thứ nhất, là hai câu đầu, thứ hai, thứ ba, là câu thứ ba.

Câu thứ tư.

Đoạn thứ chín. Trong giải thích một bài Tụng, có bốn:

1/ Giải thích câu đầu

2/ “Lại, đức Phật thị hiện sự vắng lặng bên trong” trở xuống, là giải thích câu thứ hai, thứ ba. “Như nhân quả trứng trước kia nở ra con gà v.v...” trở xuống, là giải thích câu thứ tư.

“Sự khác nhau ở đây” trở xuống, là giải thích lại nghĩa Xả mạng hành. Câu đầu, là nói về “đắc” khác nhau; ba câu sau, là nói về sự khác nhau của Xả.

Luận Câu-xá chép: Luận sư Thái nói: “Đây gọi là cái kén. Kén sinh ra con tầm. Danh thân của Đức Phật từ sắc thân phát ra, như con tầm chui ra từ cái kén.”

Pháp sư Khuy Cơ nói: “Nghĩa Tạng Mạng được Bồ-đề. Về sau, giống với sắc thân trước chưa được, gọi là “đẳng sinh”.

Niềm vui vắng lặng bên trong, nghĩa là thị hiện ở riêng một mình trong khu rừng hoang vắng. Và, niềm vui của Sa-môn, nghĩa là thị hiện niềm vui giữ giới không ăn năn. Hai niềm vui là nhân giúp tâm được định. Các sức định vượt hơn có thể bỏ hai hành:

1/ Thọ hành, tức mạng hành.

2/ Hữu hành, tức uẩn hữu lậu khác. Hữu hành rộng; Thọ hành hẹp. Từ rộng là Luận. bài Tụng không có Thọ hành. Sắc thân đa xả này sinh thị hiện hữu lậu, giống với tướng trước. Bốn uẩn Vô lậu kia gọi là Thân sinh, chẳng phải đối tượng thị hiện, vì xả với thân trước không đồng, nên cả hai thân đều khác nhau.

Sắc thân như tạng mạng, mạng của bốn uẩn vô lậu kia vỡ, rồi sinh ra, nhu gà v.v... nở. Sự khác nhau của hai thân cũng thế.

Về nghĩa đồng không đồng của hai thân danh sắc trong đây, vì sao nói lại? Vì ở trước khi nói về Bồ-đề, sắc thân, danh thân và nghĩa đồng đẳng, không đồng đẳng ở trước. Về sau, khi nói về Bát Niết-bàn, Xả thân danh sắc với trước đồng, không đồng ở trước. Nghĩa là Phật, Thế Tôn hoặc không Xả các Thọ hành v.v... Vấn đề này có hai thuyết:

1/ “Đức Phật sống lâu trăm tuổi, nhưng chỉ năm tám mươi, thì Xả phần thứ năm, vì cứ hai mươi năm là thọ một phần. Kinh phần nhiều đều nói đức Phật Ca diếp xuất thế vào thời kỳ hai con người sống lâu muôn tuổi. Nhân thọ của Đức Phật Thích-ca ra đời vào thời kỳ một trăm tuổi.

2/ “Đức Phật Thích-ca phần lớn lẽ ra thọ đúng một trăm hai mươi tuổi, bốn mươi năm là một phần, nhưng năm tám mươi, thì Xả thọ của phần thứ ba. Các giáo đa số nói nhân thọ bốn mươi này là một trăm hai mươi lăm tuổi. Châu phía Đông, hai trăm năm mươi tuổi v.v... Theo cách giải thích sau của kinh Đại Tập là chính xác hơn cả. Kinh đó nói: “Vì tuổi thọ của đức Phật là ba phần, nên mạng thọ hành đâu có khác nhau. Tuổi thọ là hạng lượng về nghĩa lâu, mau của thời gian trải qua. Mạng, là nghĩa sống còn. Thọ mạng tức Hành. Chứng tỏ đức Phật biết vừa đủ đối với “hữu”, nên Xả Thọ hành là rõ ràng về mạng cũng được tự tại. Vì ba tháng sau khi từ già Tu Bát v.v... đức Phật mới nhập diệt, nên lưu lại Mạng hành. Nhưng lấy phước nghiệp đã có của phần khác đã xả để ban cho đệ tử. Và chỉ bày rõ về nhân duyên sở y của việc xả bỏ, nghĩa là hai niềm vui là nhân quyết định tự tại.

Đoạn thứ mười, trong giải thích một bài Tụng. Luận sư Cảnh nói: “Hai lần “Lại nữa” của văn xuôi giải thích về Thể của pháp đâu có khác.” Giải thích rằng: “Thể tức đồng, Đồng là dục, Nhuế, Si, ái. Lược giải thích trước, chỉ Thể của “pháp”; lược giải thích sau, y cứ ở lỗi người.

Trong phần giản lược lại có hai: Trước nói: “Trong đây, lược chỉ bày triền phước của kẻ ngu của các phẩm các cõi.” Nghĩa là tóm tắt nghĩa “lại nữa” đầu tiên trong phần rộng ở trước.

Bốn pháp như thế, phải biết là che lấp các người thông minh. Bốn pháp nên biết dựa theo thứ lớp phối hợp chương, rất dễ hiểu.”

Pháp sư Khuy Cơ phán quyết có ba:

- 1/ Dựa vào các giải thích.
- 2/ Nói về nghĩa giản lược.
- 3/ Dựa theo người ác.

Lại, trước là dựa vào tại gia, xuất gia của ba cõi, kế là nói về nghĩa giới. Sau, dựa vào người tại gia xấu ác của cõi Dục, để giải thích về Bản bài tụng, bất luận học giả, không so sánh, thường ghi nhận nghĩa khái quát.

Đoạn thứ mười một. Trong phần giải thích một bài Tụng được chia làm bốn:

- 1/ Giải thích rộng về ba câu.
- 2/ “Dục cầu” trong đây thuộc “Hữu cầu...” trở xuống, là giải thích câu đầu.
- 3/ “Hoặc ưa Sa-môn và Bà-la-môn...” trở xuống, là giải thích câu thứ hai.
- 4/ “Lại, thuộc về tất cả ba môn này...” trở xuống, là giải thích hai câu sau.

Đoạn thứ mười hai, trong giải thích một bài Tụng, gồm có bốn:

- 1/ Trụ đều không có ái.
- 2/ Hí luận đều không có ái.
- 3/ Dụ cho tướng lìa ái.
- 4/ Dụ cho hào lìa ái.

Cho nên nói A-la-hán lìa hẳn tham ái, do bốn tướng nên dạo khắp thế gian, trời, người không biết.

Văn giải thích được chia làm hai:

1/ Giải thích nửa bài tụng dưới: Mâu ni đạo thế gian, Trời, người không bay biết. A-la-hán gọi là Mâu-ni, vì chứng pháp vắng lặng, Về sau, nói rằng: “Các A-la-hán lìa ái là thế nào?” trở xuống, là giải thích về nửa bài tụng trên, chỉ bày rõ lìa ái, nêu riêng bốn tướng. Chúa tể của ma oán, gọi là sự tham ái. Trong nghĩa giản lược, “xấu hổ”, không nên xấu hổ v.v... Nghĩa là cầu mong của cải thuộc về người khác là không nên xấu hổ, mà tỏ thái độ khinh miệt, chê trách, gọi là xấu hổ không nên xấu hổ. Tìm cách xoay của cải về cho mình gọi là nên hổ thẹn. Say sưa ngắm xem cảnh đẹp, thuộc về trói buộc, gọi là nên xấu hổ, không xấu hổ, hợp thành một chỗ.

2/ Cầu có đoạn diệt, gọi là không nên sợ. Quở trách, chê bai siêng

năng tu hưởng, gọi là sinh sợ thấy. Sinh lên cõi Trời, tha hồ hưởng vui, gọi là nên sợ. Khen ngợi nói pháp, mong cầu, gọi là không có sợ thấy, gọi là chỗ thứ hai, vọng sinh khinh thường, chê bai.

Đoạn thứ mười ba, trong một bài Tụng, “huân trừ”. Huân là huân tu; trừ, là trừ diệt.

Đoạn thứ mười bốn, vẫn trong một bài Tụng giải thích văn chia làm bốn:

1/ Giải thích câu đầu.

2/ “Nếu có người lại có khả năng khéo nói pháp” trở xuống, là giải thích câu thứ hai.

3/ “Như thế, khéo tu chánh phương tiện” trở xuống, là giải thích câu thứ ba.

4/ “Lại, tu như trước, vì đã đắc Đạo.” trở xuống, là giải thích câu thứ tư.

Thọ trì (nhớ chắc) bảy thứ dựa vào sự nghiệp phước. Vấn đề này có ba thuyết:

1/ “Tức bảy Thánh tài, thí rất tăng thượng, cho nên nói riêng.”

2/ “Trước kia nói trong tám thí, là có lỗi vì trái với bảy Thánh tài trước.”

3/ “Câu-xá v.v... nói: Kinh chép “Như vậy : “Những người có niềm tin thanh tịnh, hoặc người thiện nam, thiện nữ, thành tựu, có dựa vào bày sự nghiệp phước; hoặc đi; đứng; thức, ngủ, thường nối tiếp nhau, nghiệp phước tăng dần, nối tiếp nhau Khởi. Không có nương tựa cũng thế, trừ nghiệp Vô biểu.”

Giải thích: “Có nương tựa bảy nghiệp phước:

1/ Cho lữ khách đệm lót yên ngựa.

2/ Bố thí cho người đi đường.

3/ Bố thí cho người bị bệnh.

4/ Cho người chăm sóc bệnh nhân.

5/ Bố Thí vườn, rừng.

6/ Bố Thí cho người thường khát thực.

7/ Bố thí tùy theo lúc đó cần điều gì.

Ở đây nói là bảy thứ, tức là bảy thí kia.

Đoạn thứ mười lăm. Trong giải thích một bài Tụng được chia làm ba:

1/ Giải thích câu đầu: Nơi chốn của tất cả nhân duyên. Cảnh, Pháp sư Khuy Cơ đều nói: “Mười nghiệp đạo ác, gọi là tất cả chủng. Tham, Nhố, si v.v... gọi là tất cả nhân duyên, cảnh tạo nghiệp, hoặc tình, phi

tình và tiền của, dụng cụ v.v... gọi là tất cả nơi chốn.”

Luận sư Thái nói: “Chứng được nương tựa Khởi riêng các hạnh ác, gọi là tất cả chủng. Nhân duyên đồng với trước, nơi chốn của năm đường, gọi là tất cả Xứ.”

2/ “Người kia do ba tướng...” trở xuống, là giải thích câu thứ hai Dựa vào giới khởi định; dựa vào định khởi tuệ; dựa vào tuệ chứng cảnh, gọi là ba tướng.

3/ “Đầy đủ như thế...” trở xuống, là giải thích câu thứ ba, không giải thích câu kết thứ tư.

Huy Pháp sư giải thích câu đầu, nói về giới; câu kế là nói về tuệ; câu thứ ba, nói về Định.

Trong nghĩa giản lược, ba học, Nghĩa là hai câu đầu, nói về Học. Quả, là câu thứ ba. Không chung với người khác, là câu thứ tư.

Đoạn thứ mười sáu. Trong giải thích một bài Tụng, trước giải thích câu đầu:

1/ “Khó có thể điều phục trở lên, là giải thích khó điều phục. “Dù miễn cưỡng yên định chỗ” trở xuống, là giải thích về cử chỉ nhẹ nhàng, vội vã. Vì tánh khinh an, thường thay đổi.

2/ “Dù gắng gượng yên định chỗ” trong tịch chỉ nội, trở xuống, là giải thích câu thứ hai.

3/ “Đệ tử các Thánh đối với những việc như thế v.v...” trở xuống, là giải thích câu thứ ba.

4/ “Người kia đã khéo điều phục tâm mình như thế...” trở xuống, là giải thích câu thứ tư.

Trong giản lược, Tả đạo trái với lý Chánh đạo, nghĩa là hai câu trên, nói không theo tâm của Tả đạo, là câu thứ ba. Đã được thắng lợi, là câu thứ tư.

Đoạn thứ mười bảy. Trong một bài Tụng, câu đầu là sở nhân chung; ba câu sau là bốn công đức đã được.

Bốn công đức trong giải thích:

1/ Ăn vị xa lìa.

2/ Tĩnh lự.

3/ Thường nghĩ về niệm.

4/ Thọ không có nhiễm Hỷ, lạc.

Đạn, nghĩa là sợ, khiếp sợ. Người không có khiếp sợ, không có sự sợ này.

Giải thoát Hỷ, lạc. Nghĩa là Vô vi. Không có nhiễm Hỷ, lạc, nghĩa là Hữu vi.

Trong nghĩa giản lược, sở tác của Xá-na tức Tĩnh lự trong bài Tụng, đo đạc lý xem xét, lo nghĩ, được thành sở tác của Tỳ-Bát-Xá-na, nên trước nói Tĩnh lự; sau nói tuệ tác.

Đoạn thứ mười tám, trong một bài Tụng, hai câu đầu thành tựu năm chi; hai câu sau, là dứt năm chi:

1/ Sống không có công Xảo, nghĩa là bốn việc:

a/ Mạng sống không kiêu hãnh tà vạy.

b/ Không cậy người có thế lực.

c/ Không quy định danh tiếng, dòng họ.

d/ Không lừa dối lãnh thọ lời bậc Thánh nói.

Như phàm phu ở đời nương tựa vào công Xảo để làm nghiệp phi pháp, mong cầu. Bí-sô chân thật thì không như thế. Không nương tựa bốn thứ này, khởi phi pháp, nhằm mong cầu thức uống ăn, y phục cũng như phàm phu kia.

2/ Không tự khinh mình. Nếu đối với áo, cơm, tham lam phi pháp, vào xóm, không mang y, bát, gọi là tự khinh thường mình, Bí-sô thì không như thế, gọi là không tự khinh.

3/ Ưa vượt hơn, yêu kính Sa-môn; yêu mến Học Xứ, giữ cấm giới vững chắc.

4/ Các căn, nghĩa là tịnh Mạng Hỷ tức v.v... tức Hỷ căn, tuệ căn, Niệm căn v.v...

5/ Tận giải thoát, vì hạt giống của kiết sử, triền phược, đều giải thoát, gọi là thành tựu năm chi:

a/ Không có nhà, không hề xả giới, trở lại lưới tục.

b/ Không có gì chứa để, thọ của, thọ cảnh.

c/ Không có hy vọng, không mong của cải, mạng sống biết mà nói dối.

d/ Dứt dục: không hề chẳng cho mà lấy.

đ/ Đi một mình. Sự tham dục đã dứt hết, không có bè bạn, dạo đi một mình, tránh xa phi phạm hạnh, thấu suốt một cách mâu nhiệm về nhân quả. Các việc ác đều hết. Không chấp nhân xấu ác, không có nhân mà vờ lấy quả, gọi là dứt năm chi. Tùy theo hình trạng của nghĩa năm chi đó mà phối hợp riêng. Giải thích văn.

Đoạn thứ mười chín. Trong giải thích một bài Tụng được chia làm bốn:

1/ Giải thích câu đầu.

2/ Lại hiện tại này tùy theo tự thể kia” trở xuống, là giải thích câu thứ hai.

3/ Nếu có thông minh do bốn tướng này...” trở xuống, giải thích câu thứ tư.

Tâm, có ở cả tám thức. Vô lượng khác nhau, tự thể xoay vần. Nghĩa là ba tánh, bốn sai khác mà chuyển, và, nhân xoay vần, nghĩa là tâm trước trước làm nhân sinh tâm tự thể của sau sau. Hoặc hạt giống của tâm và “duyên” khác hay sinh thể của Tâm, đều gọi là nhân xoay vần.

Vì mé trước không biết, nên gọi là viễn hành. Quyển năm mươi bảy chép: “Do thời gian vô thủ của mé trước, vì “duyên” khắp tất cả cảnh “sở tri” nên gọi là Viễn hành.

Văn kia nói riêng về sự tạo nghiệp của ý thức, đây là chung cho tất cả, nên không trái nhau.

4/ Mỗi mỗi mà chuyển. Nghĩa là vì không có nhân-thức v.v... thứ hai sinh một lúc, nên cũng chẳng phải ba tánh của tất cả chủng hiện ở trước tức khắc, nên gọi là độc hành (đi một mình).

Quyển năm mươi bảy nói có hai nghĩa:

1/ Vì mỗi mỗi chuyển.

2/ Vì là chủ thể, nên gọi là đi một mình.

Trong đây, nhân Viễn hành trước, nói là thức từ duyên khởi. Vì nhân văn thuận tiện, nên đã ngăn không có người tạo tác, gián lược trong đi riêng một mình, cũng không trái nhau. Nhưng, thể của tâm này lúc hiện tại khởi, tánh của tâm không nhất định, vì thường thêm sự thay đổi gián đoạn, nên gọi là không rớt ráo chuyển. Rớt ráo, nghĩa là đầu cuối dường như nối tiếp nhau.

Năm sắc căn kia hoặc Dị thực đồng, khác với Trưởng dưỡng. Dù trước tối, kém, sau sáng suốt, thù thắng, nhưng vì đầu cuối dường như nối tiếp nhau mà sinh, gọi là rớt ráo chuyển.

Các thứ phẩm loại phàm phu, lúc sinh khác với lúc diệt v.v... Khác, nghĩa là nghĩa riêng: Sinh khác riêng của phẩm loại ba tánh. Như tâm thiện khác với phẩm của hai tánh khác, lúc sinh mà sinh, khác với phẩm của hai tánh khác, lúc diệt mà diệt. Hai tánh còn lại cũng thế. Lại, như phẩm “tham cấu” trong phiền não khác với phẩm còn lại, hoặc sinh, hoặc diệt. Nhưng tự tánh của Thể tâm chẳng phải nhiễm, thể của tánh nhiễm ấy trước, sau dường như thật có, và do tánh của tâm vốn thanh tịnh, nên thể của nhiễm kia không thật có. Cho nên không thành thật gọi là không có thân.

Trong đây ý nói thể của tâm đã sớm lui dứt sự sinh, diệt của loại khác, không rớt ráo chuyển, không đồng với sắc căn trước, sau dường

như rớt ráo mà chuyển và không Thể nhiễm, cho nên gọi là không có thân.

Quyển năm mươi bảy chép: “Vô Sắc, vô kiến, cũng vô đối, nên gọi là vô thân.

Đời vị lai này ở bốn thức trụ: Ở đây nếu theo nghĩa môn lý của Kinh Bộ Sư, thì ở đời vị lai, hữu tâm tùy miên ở bốn thức trụ, có thể ở đời sau, từ tùy miên mà khởi, có qua, có lại, có Thể sinh là nghĩa ngủ trong hang.

Dựa theo môn chân thật lý nhằm giải thích đoạn văn này: Nghĩa là nếu đời vị lai, thức ở bốn Thức trụ, thì ở trong bản thức của đời hiện tại mà có Tùy miên, có thể có nghĩa qua, lại, ở đời sau, gọi là ngủ trong hang.

Quyển năm mươi bảy nói: “Vì nương vào sắc, nên gọi là ngủ trong hang. Thuyết kia nói là có Thức của cõi Sắc, chẳng phải hức vị lai. Ở đây nói là thức chung cả ba cõi, thức riêng của ba đời, để giải thích Văn tụng, về mặt lý không trái nhau.

Viễn hành. Nghĩa là nói Thức quá khứ, hai nghĩa “đi một mình” và “không có thân” là nói thức hiện tại. Ngủ trong hang, nghĩa là nói Thức vị lai, tức bốn nghĩa thức của ba cõi, gọi là bốn tướng, chứ chẳng phải đời quá khứ, vị lai mà không có nghĩa đi một mình và không có thân, vì tác dụng hiện tại có thể biết được rằng, từ tăng mà nói là hiện.

Trong nghĩa giản lược, Luận sư Cảnh nói: “Tâm ở quá khứ, đây là lược viễn hành (đi xa). Nhiễm ô trong thời gian lâu dài, không có tánh tác giả ở đời hiện tại, tánh là Sát na. Ở đây, y cứ ba tánh khởi gián đoạn không có sắc thân nối tiếp nhau.

Tự tánh thanh tịnh, đây là giản lược không có thân nhiễm ô.

“Ở đời vị lai” trở xuống, đây là giản lược thức sẽ khởi buông lung, không buông lung trong đạo lý nối tiếp nhau, đã nói là nhiễm tịnh, vì chưa khởi, nên chỉ trụ trong hạt giống của hiện thức, gọi là ngủ trong hang.

“Lược qua không giải thích kia” trở xuống, là văn của nửa bài tụng. Pháp sư Thái nói: “Vì thể của tâm chẳng phải “hoặc”, nên tự tánh thanh tịnh, ở đời vị lai, phàm phu có buông lung, bậc Thánh không có buông lung cho nên nhiễm, tịnh khác nhau.”

Pháp sư Khuy Cơ nói: “Nhiễm ô trong thời gian dài, tức là mé trước không biết, không có tánh tác giả tức tự thể của tâm xoay vần và nhân nghĩa xoay vần. Ở đây, cũng giải thích về Viễn hành.

Về tánh của đời hiện tại là sát-na, tham, sân v.v... thay đổi, vì

không tốt ráo. Thế nhiễm ô của tự tánh thanh tịnh, vì không thành thật, ở đây giải thích là vô thân, nhưng thiếu đi một mình. Ở đời vị lai vì có buồn lung, nên đến đời sau, sẽ có nghĩa qua, lại, tức ngủ trong hang. Do không phóng túng, nên thanh tịnh, tức người không minh biết rõ tâm kia trụ nơi đất liền v.v... tức nửa bài tụng dưới.

Đoạn thứ hai mươi. Có mười bài tụng, trong số đó có năm lượt hỏi đáp. Cứ hai bài tụng là một lượt hỏi đáp, đều trước hỏi, sau đáp.

Trong phần giải thích có:

1/ Chỉ chung bài tụng của kinh.

2/ Tùy theo giải thích riêng.

Ba la diên, là tên kinh, từ người thỉnh mà được tên. Ba-la, gọi là Bỉ nại. Diên là cõi. Tiếng Phạm Mê-Đế-Lý, Hán dịch dịch là Từ Thị, tức họ, Danh tự là A-Thị-Đa, Hán dịch nói Vô Năng Thắng. Xưa nói là Di-lặc A-Dật-Đa đều sai.

Hỏi: “Nếu thế thì vì sao luận Bà-sa nói: “Bồ-tát Từ Thị lúc xuất hiện ở đời, vua A-Thị-Đa ở nơi Như-Ứng-khư? Nhưng không thể nói chữ Từ Thị là A-Thị-Đa?”

Đáp: “Vì hiện thấy nhiều người đồng tên, nên không trái nhau.”

Nói “Thế gian...” trở xuống, giải thích riêng có năm:

1/ Giải thích lời đáp đầu tiên.

2/ “Lại, người nói pháp dở, do môn Vô minh” trở xuống, là giải thích về lời đáp thứ hai.

3/ “Lại ghét người nói pháp và người tại gia”, trở xuống, là giải thích lời đáp thứ ba.

4/ Cho đến pháp kia chưa diệt hẳn về sau” trở xuống, là giải thích lời đáp thứ tư.

5/ “Nếu các Hữu học, thì điều này nên hiểu biết rõ ràng...” trở xuống, là giải thích về lời đáp thứ năm, đều chỉ giải thích lời đáp, không giải thích các bài Tụng.

Đầu tiên nói về pháp nhiễm ô hoặc nhân, hoặc quả. Kế là nói về nhân có công năng dứt các nhiễm. Tiếp theo, nói về phần vị uẩn diệt, quả chung, riêng. Tiếp theo, là nói về hai thọ không sinh vui mừng, ưa thích được sáu hàng trụ, chỉ địa vị cuối cùng sau pháp Vô học. Sau, nói về mọi công việc đã làm của các bậc Hữu học của các loại.

Trước là giải thích câu đầu trong bài Tụng đầu tiên:

Ba thứ thế gian là thế gian chung, hai thứ thế gian được lập riêng trong ba.

Vô minh che lấp ngoại đạo, người xuất gia trong thế gian là ngoại

đạo. “Người khéo nói pháp, do có sáng suốt”, nên ...” trở xuống, là giải thích về câu bài Tụng thứ hai.

“Nếu các tại gia, bạch y khác loại v.v...” trở xuống, là giải thích câu thứ ba.

Ba hí luận:

1/ Ba ngôn, sự.

2/ Bốn ngôn thuyết.

3/ Tâm, Từ.

Ba thứ ngôn sự, nghĩa là pháp ba đời. Bốn thứ ngôn thuyết, nghĩa là thấy, nghe, hay, biết. Ngôn sự chỉ gọi là hí luận, là đối tượng phân biệt (chủ thể phân biệt), là hủ thể tăng trưởng, là chủ thể tùy theo.

Người nói pháp dở trong đây: “bị Vô minh che lấp...”, trở xuống, là giải thích câu thứ tư.

Ba câu trước là nhân; một câu này là quả. Đầu tiên là Vô minh; tiếp theo là buông lung sau là tư duy phân biệt trái, thuận.

Giải thích trong lời đáp thứ hai, “lại người nói pháp dở” trở xuống, là giải thích câu đầu.

“Như thế Vô minh, buông lung, hí luận” trở xuống, giải thích câu thứ hai.

“Nếu thuộc về chánh kiến thế gian” trở xuống, giải thích câu thứ tư. Đối với lưu, lậu của thế gian, hoặc chế phục, hoặc diệt hẳn...” trở xuống, là giải thích về câu ba.

Giải thích nghĩa chế phục. Bài Tụng tiếp theo, tùy văn thuận tiện trước, sau không đồng.

Giải thích trong lời đáp thứ ba có hai:

1/ “Lại người nói pháp, dở, và người tại gia” trở xuống: là đại khái giải thích hai loại khác nhau: Không hiểu rõ ràng và hiểu rõ ràng của hai phẩm nhiễm, tịnh. Về sau, các A-la-hán từ đây đã hiểu rõ ràng...” trở xuống, là giải thích chung về ý của bài Tụng.

Người đã hiểu rõ ràng, là A-la-hán; người nên hiểu rõ ràng là các Hữu học.

Trong giải thích về lời đáp thứ tư, cũng giải thích chung ý bài Tụng.

Trong phần đáp thứ năm có bốn, cho đến “ủy thác đều là việc đã làm”, là giải thích câu đầu:

1/ Việc Thường làm.

2/ Ủy thác làm.

Hai thứ này lẽ ra là làm việc không buông lung, đều là việc mà tất

cả Hữu học đã làm, nên Hữu học khác loại.

2/ “Nếu các Hữu học...” trở xuống, là giải thích câu thứ hai, có bốn lượt giải thích:

1/ Nói là hạ phần kiết, thượng phần kiết đều gọi là tâm không nhiễm ô. Tâm không nhiễm tức tâm không có vấn đục.

2/ “Lại đối với các đục, không say sưa chấp mắc...” trở xuống, là giải thích riêng về hai kiết, không phối hợp không có nhiễm và nghĩa không có vấn đục.

3/ “Lại đối với pháp Khổ của tất cả Hữu” trở xuống, là giải thích câu thứ ba.

4/ “Tu tập như trước...” trở xuống, là giải thích câu thứ tư.

Đoạn thứ hai mươi mốt. Trong giải thích có chia làm sáu. Như thế, gọi là chung vị ái của các đục trở lên, là giải thích bài Tụng đầu.

2/ “Lại, người kia hy vọng mong cầu...” trở xuống, là giải thích bài Tụng thứ hai.

3/ “Lại rấn độc...” trở xuống, là giải thích bài Tụng thứ ba.

4/ “Lại, tự tánh của các đục...” trở xuống, giải thích bài Tụng thứ tư.

5/ “Lại, đối với sự đục...” trở xuống, là giải thích bài Tụng thứ năm.

6/ “Nếu đối với các đục...” trở xuống, là giải thích bài Tụng thứ sáu.

Các ngọc báu v.v... gọi là củng tương ứng. Nghĩa là đồng với số bảy báu, vì đáng quý trọng, tất cả nơi đều dùng, trái lại đây thì gọi là bất tương ứng.

Trong sáu bài Tụng này, ba bài Tụng đầu, nói về quán nhiễm xa lìa của các Hữu học; ba bài Tụng sau, nói về quán nhiễm dứt hẳn của các Vô học.

Trong nghĩa giản lược, Dục sự gọi là vị ái dục. Dục phiền não gọi là tai họa lỗi lầm. Dứt cả hai thứ này, gọi là xuất ly.

Ba bài Tụng đầu này, như thứ lớp phối hợp. Hai bài Tụng tiếp theo, là vị ái, chủ thể gây nên tai họa lỗi lầm. Một bài Tụng sau, nói về công đức xuất ly.

Đoạn thứ hai mươi hai, trong giải thích một bài tụng rưỡi, văn chia làm ba:

1/ Giải thích chung về ý bài tụng. Luận sư Thái nói: “Trong bài tụng này, vì nói về sự tạo tác năm quán hạnh của bậc Hiền, Thiện, nên gọi là tạo bài tụng Hiền Thánh.

2/ “Nghĩa là chủ thể lìa bỏ v.v...” trở xuống, là nói riêng năm tướng, thuộc về giải thích Văn tụng.

Các pháp như sắc v.v... và sự an lập của nó: Nghĩa là đối tượng giảng nói và chủ thể giảng nói.

Pháp thứ hai Tỳ-Bát-Xá-Na của pháp đầu tiên. Nghĩa là Sơ học thành mãn hai phần vị.

3/ “Do năm tướng này...” trở xuống, là kết tu phạm hạnh cực thành chân thiện.

Quyển trước có năm đoạn, quyển này hai mươi hai đoạn, hợp thành hai mươi bảy đoạn trong luận nghị.

Về nghĩa Thể trong Già-đà có ba. Một bài tụng cuối này là đoạn thứ ba, dùng mười bốn môn để kết nghĩa trên của bài tụng. Luận sư Thái nói: “Từ các hạnh Vô thường về sau, có dẫn bài tụng, biện luận về nghĩa Thể, lại không có pháp khác, nên nói rằng mười bốn nghĩa luận.

